SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH PHÚC **TTYT HUYỆN YÊN LẠC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: …… / TTYT – KH-ĐD "V/v thực hiện quy trình khám bệnh, chữa bệnh theo hướng dẫn của Bộ y tế"	*Yên Lạc, ngày tháng 7 năm 2017*

Thực hiện Công văn số 1053/SYT-NVY ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Sở y tế Vĩnh Phúc " Về việc thực hiện quy trình khám bệnh, chữa bệnh theo hướng dẫn của Bộ y tế".

Nhằm thực hiện tốt công tác khám bệnh, chữa bệnh tại đơn vị, đảm bảo an toàn trong chuyên môn. Trung tâm Y tế huyện Yên Lạc yêu cầu Các khoa lâm sàng, cận lâm sàng, khoa/phòng chức năng và 17 trạm y tế xã, thị trấn, nghiêm túc thực hiện một số nội dung sau:

Rà soát ngay các quy trình kỹ thuật, phác đồ điều trị đang thực hiện tại đơn vị mình, kiện toàn và xây dựng bổ sung các quy trình kỹ thuật, phác đồ điều trị còn thiếu, dựa trên các hướng dẫn của Bộ y tế được đăng tải trên file mềm tại trang thông tin điện tử của cục quản lý khám, chữa bệnh (www.kcb.vn).

Tiến độ thực hiện: Hoàn thiện từng phần xong gửi bản mềm về phòng KHĐD để tổng hợp, trình hội đồng KHCN phê duyệt trước khi phát hành.

Thời gian hoàn thành: *(Phụ lục kèm theo)*,

Nhận được Công văn này trưởng khoa, phòng, trạm y tế xã, thị trấn nghiêm túc quán triệt thực hiện và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy trình kỹ thuật của đơn vị mình ./.

Nơi nhận: - Ban GĐ: (B/c); - Các Khoa L/S, CLS, TYT: (T/h); - Các phòng: (P/H); - Lưu: VT, KH- ĐD.	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC** **Trần Thị Yên**

Phụ lục: **THỜI GIAN HOÀN THÀNH**

Quy trình kỹ thuật, phác đồ điều trị

TT	Chuyên khoa	Số kỹ thuật đã được phê duyệt	Số kỹ thuật đã thực hiện tại đơn vị, tính đến T6/2017	Tổng số DMKT+ QTKT đã xây dựng tính đến T6/2017	Thời gian hoàn thành DMKT& QTKT		
					Quý III/2017	Qúy IV/2017	Năm 2018
1.	**Hồi sức-CCCĐ**	211	98/211= 46,4%	15+19= 34/98= 35%	49/98= 50%	69/98= 70%	90%
2.	**Nội -Truyền nhiễm**	156	154/338= 45,6%	12+27= 39/154= 25,3%	77/154= 50%	105/154= 70%	90%
3.	Lao	11					
4.	Da liếu	38					
5.	Tâm thần	27					
6.	Nội tiết	24					
7.	Ung bướu	82					
8.	**Nhi khoa**	1754	1246/1754= 71%	07+17= 24/1246= 1,9%	125/1246 =10%	250/1246 =20%	50%
9.	**YHCT**	417	422/551= 76,6%	09/422= 2,1%	85/422= 20%	211/422= 50%	90%
10.	PHCN	134					
11.	**Ngoại**	270	368/1825=20,1%	33+12= 45/368= 12%	110/368= 30%	184/368= 50%	90%
12.	Gây mê hồi sức	1350					
13.	Phẫu thuật nội soi	02					
14.	Phẫu thuật thẩm mỹ	149					
15.	Bỏng	54					
16.	**Sản – Phụ khoa**	135	89/135= 65,9%	21+23= 44/89= 49%	53/89= 60%	62/89= 70%	90%
17.	**CĐHA:** Điện quang	134	139/242= 57,4%	19/139= 13,6%	42/139= 30%	70/139= 50%	80%
18.	Thăm dò chức năng	51					
19.	Nội soi chẩn đoán	32					
20.	**XN:** Huyết học truyền máu	102	141/353= 40%	00	70/353= 20%	176/353= 50%	70%
21.	Hóa sinh	97					
22.	Vi sinh	129					
23.	Giải phẫu bệnh	25					
24.	**CK:** Mắt	108	267/373= 71,5%	66+64= 130/267= 49%	160/262= 60%	183/262= 70%	80%
25.	Tai mũi họng	109					
26.	Răng hàm mặt	156					
	Tổng số	**5757**	**2924= 50,8%**	**20,8%**	**37%**	**55,5%**	**81%**